

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/DS-ST**  
Ngày 14-5-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Huỳnh Hữu Đoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Ông Đặng Văn N (vắng mặt);

2. Bà Mai Thúy O, sinh năm: 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Do có quen biết từ trước nên ông có cho vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O vay với các lần cụ thể như sau:

- Ngày 06/3/2018 âm lịch cho vay số tiền 3.000.000 đồng.

- Ngày 07/3/2018 âm lịch cho vay số tiền 6.000.000 đồng.

- Ngày 11/3/2018 âm lịch cho vay số tiền 3.000.000 đồng.

- Ngày 13/6/2018 âm lịch cho vay số tiền 4.000.000 đồng.

- Ngày 14/8/2018 âm lịch cho vay số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra ông N, bà O còn nợ ông số tiền hui mà ông đã đóng thay cho ông N, bà O là 7.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ở ấp 11, xã K, ông N, bà O có thừa nhận thiếu ông 43.000.000 đồng và 04 tháng tiền lãi của số tiền vốn 16.000.000 đồng (tiền lãi mỗi tháng 1.600.000 đồng) tương ứng là 6.400.000 đồng. Do đó ông yêu cầu ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O trả cho ông số tiền mà ông N, bà O nợ ông là 49.400.000 đồng, trong đó tiền vốn 43.000.000 đồng và tiền lãi là 6.400.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N, bà O trả cho ông số tiền vốn 43.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tiền lãi.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà O.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H thấy rằng:

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N, bà O trả số tiền vốn 43.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Hai không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông N và bà O nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét các biên nhận được xác lập giữa ông Nguyễn Văn H với ông Đặng Văn N là hợp pháp và có căn cứ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Tại các biên nhận lập ngày 11/3/2018, 16/3/2018 và 14/8/2018 âm lịch và Biên bản hòa giải về việc tranh chấp tài sản ngày 11/5/2019 của Tổ hòa giải ấp 11, xã K, ông Đặng Văn N đã thừa nhận việc có vay của ông Nguyễn Văn H nhiều lần với tổng số tiền là 43.000.000 đồng. Mặc dù tại các văn bản này chỉ có ông Đặng Văn N ký tên nhưng tại thời điểm xác lập các văn bản thì ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O là vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, buộc ông N, bà O phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Hai số tiền 43.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông N, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông Hai được Tòa án chấp nhận cụ thể: 43.000.000 đồng x 5% = 2.150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí: Ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.150.000 (hai triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đặng Văn N và bà Mai Thúy O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**